

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 232/2024/DS-PT

Ngày 06-5-2024

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trúc.

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Văn Tâm;

Ông Nguyễn Văn Tài.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hoài Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đức Thoại – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2023/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 130/2024/QĐPT-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 208/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị V, sinh năm 1975; địa chỉ: số F, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn M, sinh năm 1975; địa chỉ: số B đường B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02/8/2022), có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Bùi Hồng H, sinh năm 1970; địa chỉ: số C, khu phố A A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1979; địa chỉ: số F khu phố B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1980; địa chỉ: số F khu phố B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. Văn phòng C1, địa chỉ: số A, đường Đ, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Thanh M1 – Trưởng Văn phòng, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

4. Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1968; địa chỉ: số E, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1968; địa chỉ: số E, đường B, khu H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/5/2019, bà Lê Thị V có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 3043, tờ bản đồ số 16, diện tích 205,4m² tọa lạc tại phường T, thị xã B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 602457, số vào sổ CS14854 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 30/10/2017 cho ông Nguyễn Văn L (đăng ký biến động ngày 17/4/2018). Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà V và ông L, bà Kim C được thực hiện bằng hình thức ủy quyền.

Do cần tiền để làm ăn nên ngày 13/11/2019, bà V có vay của ông Bùi Hồng H số tiền 1.000.000.000 đồng, việc vay tiền được lập thành giấy mượn tiền. Ngoài giấy mượn tiền, cùng ngày 13/11/2019 tại Văn phòng C1, bà Lê Thị V và ông Bùi Hồng H có lập Hợp đồng ủy quyền số 9591, nội dung và phạm vi ủy quyền được thể hiện tại Điều 1 của hợp đồng, trong đó ông H được thực hiện tất cả các quyền của người sử dụng đất. Đối tượng của hợp đồng ủy quyền là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 3043, tờ bản đồ số 16 nêu trên.

Hiện ông H đã chuyển nhượng phần đất này cho người khác nên bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: tuyên Hợp đồng ủy quyền ngày 13/11/2019 tại Văn phòng C1 giữa bà Lê Thị V và ông Bùi Hồng H vô hiệu; buộc ông H trả lại quyền sử dụng đất cho bà V. Đối với việc vay tiền ngày 13/11/2019, bà V sẽ trả gốc và lãi cho ông H theo lãi suất Ngân hàng.

Bị đơn ông Bùi Hồng H trình bày:

Ông Bùi Hồng H, ông Phạm Văn H1, bà Lê Thị V không có mối quan hệ gì. Thông qua người quen, ông H biết được ông H1, bà V có quyền sử dụng đất muốn chuyển nhượng là thửa đất số 3043, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại phường T, thị xã B. Ông H không nhận chuyển nhượng vì ông không đủ tiền. Tại thời điểm này, ông H1 có đưa ông H xem hợp đồng ủy quyền giữa ông L, bà C cho bà V đối với quyền sử dụng đất trên, ông H có thắc mắc, được ông H1 giải thích đây

là đất hùn mua chung giữa ông H1 và bà V nhưng ông L, bà C ủy quyền cho bà V đứng tên trên hợp đồng ủy quyền. Do không đủ tiền nhận chuyển nhượng nên ông H1 có đưa bà V đến gặp trực tiếp ông H để vay tiền, tại buổi gặp mặt, ông H có ý kiến: ai đứng tên trên hợp đồng ủy quyền thì người đó đứng ra vay tiền thì ông H đồng ý cho vay, ông H trực tiếp giao cho bà V số tiền 1.000.000.000 đồng và ông H1 có mặt tại Văn phòng C1. Các bên có lập Hợp đồng ủy quyền ngày 13/11/2019 tại Văn phòng C1. Ngoài hợp đồng ủy quyền thì giữa ông H và bà V còn 01 tờ giấy tay thể hiện nội dung bà V vay của ông H số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng (giấy này ông H1 viết, bà V và ông H ký tên). Khi ký hợp đồng ủy quyền và lập giấy tay vay tiền, ông H1 có trao đổi: đất này ông H1, bà V nhận chuyển nhượng với mục đích chuyển nhượng lại nên trên cơ sở hợp đồng ủy quyền này khi nào ông H1, bà V cần chuyển nhượng thì ông H sẽ ký chuyển nhượng lại cho người khác. Đến ngày 08/5/2020, ông H1 gọi điện thoại yêu cầu ông H đến Văn phòng C2 để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người nhận chuyển nhượng. Tại phòng công chứng có mặt ông H1, bà V, cùng người nhận chuyển nhượng bà Nguyễn Thị S thì bà V và ông H1 yêu cầu ông H ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà S. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng thì bà S giao tiền trực tiếp cho bà V, ông H không rõ số tiền là bao nhiêu, đồng thời, bà V đã trả lại cho ông H số tiền 1.000.000.000 đồng sau khi nhận tiền của bà S. Trong suốt quá trình cho vay 1.000.000.000 đồng từ ngày 13/11/2019 đến ngày chuyển nhượng được đất là ngày 08/5/2020, bà V không trả lãi cho ông H. Do đó, khi thanh toán lại 1.000.000.000 đồng tiền vay thì bà V có đưa thêm cho ông H 60.000.000 đồng (60.000.000 đồng này không xác định được lãi hay không, vì bà V cho rằng mượn tiền của ông H nay chuyển nhượng được đất nên gửi thêm cho 60.000.000 đồng). Như vậy, hợp đồng ủy quyền giữa ông H và bà V ngày 13/11/2019 không còn tồn tại vì nó đã được chấm dứt khi bà V đề nghị ông H ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà S và bà V nhận tiền chuyển nhượng từ bà S vào ngày 08/5/2020. Ông H cũng đã nhận lại đủ số tiền bà V đã vay vào ngày 13/11/2019. Do đó, ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V về việc yêu cầu tuyên hợp đồng ủy quyền vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn H1 trình bày:

Ông H1 là bạn làm ăn chung với bà V và cũng có quen biết ông H. Giữa ông H, bà V và ông H1 không có mâu thuẫn gì. Trước đây, bà V là người trực tiếp vay số tiền 1.000.000.000 đồng của ông H, khi vay bà V có ký ủy quyền cho ông H thửa đất số 3043, tờ bản đồ số 16. Việc ủy quyền được công chứng tại Văn phòng C1. Số tiền 1.000.000.000 đồng thì bà V sau khi nhận tiền từ ông H có đưa lại cho ông H1 để cùng ông H1 hùn mua miếng đất tại hẻm B. Sau khi ủy quyền cho ông H, bà V có nhu cầu chuyển nhượng luôn thửa đất số 3043 nên ông H1 đã tìm người để mua miếng đất này. Sau khi tìm được người để mua miếng đất này với giá 1.500.000.000 đồng thì giữa bà V và ông H không hủy hợp đồng ủy quyền mà bà V nhờ ông H ký chuyển nhượng trực tiếp cho bên nhận chuyển nhượng, với giá 1.500.000.000 đồng, bà V đã trả lại tiền vay cho ông H là 1.000.000.000

đồng, số tiền 500.000.000 đồng còn lại ông H1 có bù thêm cho bà V 100.000.000 đồng để bà V hùn với ông H1 mua miếng đất hẻm Đ có giá là 2.100.000.000 đồng, bà V 1.600.000.000 đồng, ông H1 500.000.000 đồng, còn lý do không hủy ủy quyền từ bà V cho ông H là do bà V sợ mất thời gian nên thống nhất để cho ông H ký chuyển nhượng đất trực tiếp cho bà S, thực tế đất này là do bà V nhờ ông H chuyển nhượng không phải ông H tự ý chuyển nhượng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Kim C trình bày:

Đối với phần đất thuộc thửa số 3043, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường T, thị xã B là do vợ chồng ông, bà là người sở hữu, sau đó ông Phạm Văn H1 có giới thiệu người mua là bà Lê Thị V. Vì vậy, ông L, bà C đã chuyển nhượng cho bà V toàn bộ phần đất nêu trên nhưng không sang tên mà chỉ ký hợp đồng ủy quyền. Việc ủy quyền được thực hiện tại Văn phòng C1 vào ngày 17/5/2019, giá chuyển nhượng là 1.350.000.000 đồng, đặt cọc 100.000.000 đồng. Ngay ngày ký hợp đồng ủy quyền, ông L và bà C đã nhận đủ số tiền 1.250.000.000 đồng còn lại. Vì vậy, ông L, bà C xác định không liên quan gì trong vụ án, ông Nguyễn Văn L và Lê Thị Kim C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà S, ông H, bà V, ông H1 chỉ là quen biết qua lần chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phường T, thị xã B. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, bà S có đi cùng ông H1 khoảng 02 lần đến xem đất. Sau khi xem đất, bà S đồng ý nhận chuyển nhượng, giá ban đầu ông H1 muốn chuyển nhượng là 1.600.000.000 đồng, sau đó ông H1 đồng ý bớt cho 50.000.000 đồng nên giá chuyển nhượng chính thức là 1.550.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi ký hợp đồng đặt cọc, ông H1 đồng ý giảm thêm 20.000.000 đồng. Như vậy, giá chính thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất này là 1.530.000.000 đồng. Khi ký hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng, thì ông H1 có báo đất này bà V đang thế chấp cho ông H để vay tiền. Do đó, ngày mà các bên ký hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng có 05 người cùng đi gồm: bà V, ông H1, ông H, bà C, ông L. Người ký hợp đồng chuyển nhượng là ông H, còn người nhận tiền chuyển nhượng là ông H1, bà V. Bà S cho rằng bà nhận chuyển nhượng hợp pháp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng theo quy định. Việc khởi kiện của bà V không liên quan đến bà S. Trên thực tế bà V đã nhận đủ tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bà V là người chuyển nhượng đất, không phải ông H. Bà S có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng Công chứng Trần Thị Thanh M1 có văn bản trình bày ý kiến như sau: Hợp đồng ủy quyền số 9591, quyền số 11 ngày 13/11/2019 do Văn phòng Công chứng Trần Thị Thanh M1 công chứng phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Văn phòng Công chứng Trần Thị Thanh M1 có văn bản xin vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2023/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị V đối với bị đơn ông Bùi Hồng H về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí không có giá ngạch được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003911 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Hoàn trả cho bà Lê Thị V số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) còn lại.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 04/01/2024 nguyên đơn là bà Lê Thị V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Bị đơn vẫn giữ ý kiến đã trình bày, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm 116/2023/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 04/01/2024, nguyên đơn là bà Lê Thị V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo trong hạn luật định.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn là bà Lê Thị V:

[2.1] Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các đương sự có căn cứ xác định: Thửa đất số 3043, tờ bản đồ số 16, diện tích 205,4m² tọa lạc tại phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 602457, số vào sổ CS14854 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 30/10/2017 cho ông

Nguyễn Văn L. Ngày 17/5/2019, ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Kim C chuyển nhượng cho bà Lê Thị V quyền sử dụng đất này, hai bên thỏa thuận không ký kết hợp đồng theo quy định mà ký kết Hợp đồng ủy quyền số công chứng 3883, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/5/2019 giữa bên ủy quyền là ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Kim C và bên nhận ủy quyền là bà Lê Thị V tại Văn phòng Công chứng Trần Thị Thanh M1, bà V được quyền ký ủy quyền lại cho bên thứ ba (bút lục 07 - 11).

Ngày 13/11/2019, bà Lê Thị V vay của ông Bùi Hồng H số tiền 1.000.000.000 đồng và hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng ủy quyền số công chứng 9591, quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/11/2019 giữa bên ủy quyền là ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Kim C (do bà Lê Thị V đại diện theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 3883, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/5/2019) và bên nhận ủy quyền là ông Bùi Hồng H tại Văn phòng C1 (bút lục 12 - 16). Bà V, ông H và ông H1 đều thừa nhận việc vay tiền và ký hợp đồng ủy quyền để đảm bảo khoản vay này. Như vậy, có căn cứ xác định bản chất giao dịch giữa bà Lê Thị V và ông Bùi Hồng H là giao dịch vay tài sản đối với số tiền vay là 1.000.000.000 đồng.

[2.2] Ông Bùi Hồng H xác định khi ký hợp đồng ủy quyền các bên xác nhận quyền sử dụng đất là do ông H1, bà V nhận chuyển nhượng với mục đích chuyển nhượng lại nên khi nào bà V cần chuyển nhượng thì ông H sẽ ký chuyển nhượng lại cho người khác. Bà V trình bày là cá nhân bà V nhận chuyển nhượng thửa đất số 3043, tờ bản đồ số 16, diện tích 205,4m² tọa lạc tại phường T, thị xã B, không có phần hùn của ông H1, mục đích nhận chuyển nhượng để chuyển nhượng lại cho người khác kiếm lời, tuy nhiên bà V xác định không có yêu cầu ông H ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị S, bà V xác định không có mâu thuẫn gì với ông H1, bà S và ông H. Tuy nhiên, về phía ông H1 và bà S đều xác nhận bà V yêu cầu ông H ký chuyển nhượng cho bà S nên dựa trên các hợp đồng ủy quyền, ngày 08/5/2020 ông Bùi Hồng H đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 2188, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/5/2020 tại Văn phòng C2) với bà Nguyễn Thị S để chuyển nhượng thửa đất số 3043, tờ bản đồ số 16, diện tích 205,4m² tọa lạc tại phường T, thị xã B và bà Nguyễn Thị S đã đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 593700, số vào sổ CS20113 ngày 05/6/2020. Đồng thời, bà S và ông H1 đều khai nhận bà V trực tiếp nhận tiền chuyển nhượng đất từ bà S và ngay sau đó bà V đã trả cho ông H tiền vay 1.000.000.000 đồng, ông H không nhận tiền chuyển nhượng đất từ bà S. Điều này, bà S xác nhận một lần nữa tại Bản tự khai ngày 12/4/2024 gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Ông H cũng xác định không nhận số tiền nào từ bà S. Do đó, lời khai của ông H là có cơ sở xem xét.

[2.3] Như vậy, xét Hợp đồng ủy quyền số công chứng 9591, quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/11/2019 thì đến thời điểm ông Bùi Hồng H ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Thị S (ngày 08/5/2020) thì hợp đồng ủy quyền đã chấm dứt. Đồng thời, ông H thừa nhận bà

V đã trả số tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng cho ông H nên hợp đồng vay tài sản giữa bà V và ông H đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ vay gốc.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V là có căn cứ. Bà Lê Thị V kháng cáo nhưng không chứng minh được kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo không được chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị V.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2023/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001095 ngày 04/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- TAND thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Trúc

CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tâm – Nguyễn Văn Tài

Trần Thị Thanh Trúc

